TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày: 26/2/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân

2. Ông Nguyễn Tấn Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 160/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 đối với

- Bị cáo:

Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm: 1993 tại thành phố LX, tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm A, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, (chết) và bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1960; bị cáo có chồng là Nguyễn Minh M, sinh năm 1987 (đã ly hôn), sống chung như vợ chồng với Phan Trung H, sinh năm 1973; tiền án: không, tiền sự: ngày 21/11/2018 bị Ủy ban nhân dân phường M xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi xử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, học đến lớp 7 thì nghỉ. Ngày 30 tháng 9 năm 2019, bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", hành vi thực hiện ngày 16/6/2019. Bị cáo được tại ngoại và bị bắt giam về hành vi "Lạm dụng tín Nệm chiếm đoạt tài sản" thực hiện ngày 29/3/2019.

Bị bắt, tạm giam ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Quách Kim L sinh năm 1978

2. Ông Huỳnh Trung Q sinh năm 1982.

Địa chỉ: khóm B1, phường B, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

1. Ông Trần Văn D sinh năm 1962.

Địa chỉ: khóm Đ, phường M1, thành phố LX, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt ông D tham gia, bị hại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thị Kiều N đến nhà chị Quách Kim L tại khóm B1, phường B, thành phố LX thuê xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 67E1-227.76 của chị L với giá 140.000đồng/ngày để sử dụng và trả trước tiền thuê 02 ngày là 280.000 đồng. Đến ngày 03 tháng 4 năm 2019, do cần tiền tiêu xài nên N nảy sinh ý định đem xe mô tô 67E1-227.76 của chị L đi cầm. Thực hiện ý định này, N gặp Võ Văn T nói dối là xe của mẹ N nhờ cầm nên T dẫn N đến nhà ông Trần Văn D ở tại khóm Đ, phường M1, thành phố LX cầm cho ông D được 3.000.000 đồng. Số tiền này, N trả tiền thuê xe cho chị L 560.000 đồng, còn lại tiêu xài.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, N mượn xe mô tô hiệu Dream không rõ biển số của Q (không rõ họ tên, địa chỉ) cầm cho ông D 2.000.000 đồng và đưa thêm 1.100.000 đồng cho ông D để chuộc lại xe mô tô biển số 67E1-227.76 đem về sử dụng. Đến ngày 07 tháng 4 năm 2019, N đem xe mô tô 67E1-227.76 cầm cho ông D 3.000.000 đồng và chuộc lại xe mô tô hiệu Dream với số tiền 2.100.000đồng trả cho Q. Sau đó, N không trả tiền thuê xe nên chị L nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà tìm N đòi lại xe nhưng không được nên ngày 11 tháng 4 năm 2019 chị L đến Công an phường BĐ trình báo.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 67E1-227.76 do Trần Văn D giao nộp.

Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 126/KL.HĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố LX xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision Việt Nam, màu trắng, biển số 67E1-227.76, trị giá 27.248.000 đồng.

Tại cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 24/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều N về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù theo Bản án số 91/2019/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ. Đề nghị buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48; Điều 589 Bộ luật dân sự. Bị hại L đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xét đến. Ông D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo tự nguyện bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Ông D trình bày: Qua sự giới thiệu của T là con rễ nên ông D đã cầm xe 67E1-227.76 do N mang đến với số tiền 3.000.000 đồng, ông không biết xe này do N phạm tội mà có, ông yêu cầu N bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Kiều N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo nói lời sau cùng đã ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định bị cáo thuê xe mô tô 67E1-227.76 của chị L với thời hạn 02 ngày, sau đó do cần tiền tiêu xài bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt và đem đi cầm cho ông D được 3.000.000 đồng lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 điều 175 của Bộ Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX truy tố bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2] Về tính chất mức độ của hành vi:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho những người có dịch vụ cho thuê xe, khi cho thuê xe người thuê sử dụng không đúng thỏa thuận ban đầu, có hành vi gian dối sau khi nhận được xe nhằm chiếm đoạt tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân và sử dụng

vào mục đích bất hợp pháp. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo đang phải chấp hành bản án của Tòa án nhân dân quận T và tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố LX xét xử về hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó, nên hình phạt sẽ được tổng hợp theo quy định tại Điều 55, 56 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Kiều N** phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 106; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 48; Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Thị Kiều N** 01 (một) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù theo Bản án số 91/2019/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là **01 (một) năm 09 (chín) tháng** tù.

Thời hạn tù tính từ: ngày 30 tháng 9 năm 2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kiều N có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Văn D số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Công an TP. Long Xuyên;
- THA DS TP. Long Xuyên;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt